

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA  
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
Số: **547** /QĐ-SGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày **04** tháng **5** năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai kế hoạch chi Quỹ bảo trì đường bộ Địa phương Năm 2018 của Sở GTVT Thanh Hoá.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ nghị quyết số 03/NQ-QBTĐBT ngày 29/3/2018 của Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh quyết nghị các nội dung về kế hoạch thu, chi năm 2018 tại phiên họp thường kỳ Quý I năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 03, 06, 09, 10, 11, 12, 13, 14/QĐ-QBTĐB ngày 02/4/2018 của Chủ tịch Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh giao kế hoạch vốn chi quỹ bảo trì đường bộ tỉnh năm 2018 cho Sở GTVT Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 333/QĐ-SGTVT ngày 26/04/2018 của Giám đốc Sở GTVT Thanh Hóa về việc giao kế hoạch chi quỹ bảo trì đường bộ Địa phương năm 2018;

Xét đề nghị của phòng Kế hoạch tài chính,

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu kế hoạch chi Quỹ bảo trì đường bộ Địa phương năm 2018 của Sở GTVT Thanh Hoá.

(Có mẫu biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- GD Sở (để B/c);
- Các phòng, đ.vị (để biết);
- Văn phòng Sở (để đăng tin);
- Lưu: VT, KHTC.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Khiên

Đơn vị: Sở Giao Thông Vận Tải Thanh Hóa  
Chương: 421

**KẾ HOẠCH CHI**  
**QUỸ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018**

(Kèm theo Quyết định số 347/QĐ-SGTVT Ngày 04/05/2018 của Sở GTVT Thanh Hóa)

Đơn vị: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	<b>TỔNG SỐ THU, CHI NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
1	<b>SỐ THU PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	<b>SỐ PHÍ, LỆ PHÍ NỢP NSNN</b>	
II	<b>DỰ TOÁN CHI TỪ NGUỒN QUỸ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ ĐP</b>	<b>139.208.272</b>
1	<b>CHI QUẢN LÝ NGUỒN QUỸ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ ĐỊA PHƯƠNG</b>	
1.2	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	
	<b>Chi bảo trì các tuyến đường bộ Địa phương năm 2018</b>	<b>139.208.272</b>
	Sửa chữa thường xuyên đường bộ (Phụ lục 01)	48.108.000
	Công trình hoàn thành, đã quyết toán (Phụ lục 02)	16.218.022
	Công trình hoàn thành, đang thực hiện quyết toán (Phụ lục 03)	13.270.000
	Công trình làm mới năm 2018(Phụ lục 04)	50.000.000
	Sửa chữa công trình theo chỉ đạo của UBND tỉnh và Quỹ BTĐB TW (Phụ lục 05)	1.612.250
	Dự phòng nhiệm vụ đội xuất, cấp bách	10.000.000

## Phụ lục 01:

## CÔNG KHAI SỬA CHỮA THƯỜNG XUYÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018

STT	Tên công trình - Hạng mục	Khối lượng thực hiện (Km)	Kế hoạch vốn giao năm 2018	Đơn vị thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>		<b>48.108,000</b>		
<b>I</b>	<b>Giao đọt này</b>	<b>1.081,64</b>	<b>38.868,247</b>		
1	Đường Trương Thị - Hàm Rồng (ĐT.501)	4,50	149,800	Công ty CP Xây dựng giao thông 1	Đường bộ miễn thuế
	Trong đó:				
-	Phần đường	4,46	133,800		
-	Cầu Sâng	0,04	16,000		
2	Đường Đinh Hương - Giảng - Thiệu Đổ (ĐT.502)	14,50	435,000	Công ty CP Xây dựng giao thông 1	Đường bộ miễn thuế
	Trong đó:				
-	Đoạn từ Km0-Km3	3,00	90,000		
-	Đoạn từ Km3-Km14,5	11,50	345,000		
3	Đường Q1.47 - Cảng Thanh Hóa (ĐT.503)	2,00	71,400	Công ty CP Xây dựng giao thông 1	Đường bộ miễn thuế
-	Đoạn Km0-Km2	2,00	60,000		

STT	Tên công trình - Hạng mục	Khối lượng thực hiện (Km)	Kế hoạch vốn giao năm 2018	Đơn vị thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên	Ghi chú
-	Cầu Thống Nhất	0,06	11,400		
4	Đường tỉnh Quảng Bình - Quảng Yên (ĐT.504)	10,90	327,000	Công ty cổ phần Trung Á	Đường bộ miền xuôi
5	Thị trấn Thiệu Hóa - Xuân Vinh - Xuân Lam (506B)	34,00	836,000		Đường bộ miền xuôi
	Trong đó:				
-	Đoạn từ Km0-Km12	12,00	360,000	Đội QLDB huyện Thiệu Hóa	
	Đoạn từ Km12-Km26	14,00	420,000	Đội quản lý sửa chữa đường bộ Thọ Xuân	
	Đoạn từ Km26+00- Km34+00 (bao gồm cầu Đen L-40m)	8,00	56,000	Công ty CP QL&XDDB I Thanh Hóa	Đã bàn giao cho huyện Thọ Xuân thực hiện dự án; chỉ thực hiện công tác quản lý.
6	Đường Yên Phong - Cầu Bụt (ĐT.506C)	10,88	335,680	Công ty CP XD và QLGT Yên Định	Đường bộ miền xuôi
	- Cầu Bụt	0,074	14,800		
	- Phần đường	10,696	320,880		
7	Đường Thọ Minh - Kiên Thọ (ĐT.506D)	9,90	405,900	Công ty CPQL Đường bộ II Thanh Hóa	Đường bộ miền núi

STT	Tên công trình - Hạng mục	Khối lượng thực hiện (Km)	Kế hoạch vốn giao năm 2018	Đơn vị thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên	Ghi chú
8	Đường Hà Ninh - Ngã ba Hạnh (ĐT.508)	14,00	429,180	Công ty CP Xây dựng giao thông 1	Đường bộ miền xuôi
-	<i>Phần đường</i>	<i>13,95</i>	<i>418,380</i>		
-	<i>Cầu Báo Văn</i>	<i>0,054</i>	<i>10,800</i>		
9	Đường Hoàng Long - Hoàng Đại - Ngã tư Gòong - Chợ Vực (ĐT.510)	9,50	285,000	Đội giao thông vận tải huyện Hoàng Hóa	Đường bộ miền xuôi
10	Đường Ngã ba Môi - Núi Chẹt (ĐT.511)	14,30	439,200	Công ty CP QL&XDĐB I Thanh Hóa	Đường bộ miền xuôi
-	<i>Phần đường</i>	<i>14,24</i>	<i>427,200</i>		
-	<i>Cầu Gia Hà</i>	<i>0,06</i>	<i>12,000</i>		
11	Đường Cầu Thiều - Thượng Ninh (đoạn Bồng Xa - Cự Đứơc) (ĐT.514)	18,00	752,310	Công ty CP QL & XDĐB I Thanh Hóa	Đường bộ miền núi
	Trong đó:				
-	<i>Phần đường</i>	<i>17,91</i>	<i>734,310</i>		
-	<i>Cầu Nhôm (52m), cầu Bồng Sa (38m)</i>	<i>0,09</i>	<i>18,000</i>		

STT	Tên công trình - Hạng mục	Khối lượng thực hiện (Km)	Kế hoạch vốn giao năm 2018	Đơn vị thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên	Ghi chú
12	Đường Thiệu Lý - Đồng Hoàng (ĐT.515B)	2,00	50,325	Đội QLDB huyện Thiệu Hóa	Đường bộ miền xuôi
	Trong đó:				
-	Phần đường	1,97	44,325		Dự kiến bàn giao thực hiện công tác nâng cấp, cải tạo trong Quý IV/2018.
-	Cầu Thiệu Lý	0,03	6,000		
13	Đường Kim Tân - Vinh Hùng - Thị trấn Quán Láo - Thị trấn nông trường Thống Nhất - Phố Châu (ĐT.516B)	59,51	2.191,750		
	Trong đó:				
-	Đoạn từ Km0-Km16	16,00	656,000	Công ty CP GT công chính Thạch Thành	Đường bộ miền núi
-	Cầu Yên Hoàng (Km16+155-Km16+350)	0,395	79,000	Công ty CPXD và QLGT Yên Định	
-	Cầu Đa Nấm (Km39+73-Km39+227)	0,054	10,800	Công ty CPXD và QLGT Yên Định	
-	Đường lên xuống nối với tuyến giao thông trên đê hai bên đầu Cầu Yên Hoàng	0,514	15,420	Công ty CPXD và QLGT Yên Định	- Đường bộ miền xuôi

STT	Tên công trình - Hạng mục	Khối lượng thực hiện (Km)	Kế hoạch vốn giao năm 2018	Đơn vị thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên	Ghi chú
-	Đoạn từ Km16+00-Km45 (đã trừ chiều dài cầu Hoàn, cầu Đa Năm)	28,55	856,530	Công ty CPXD và QLGT Yên Định	- Đường bộ miền xuôi;
-	Đoạn từ Km45-Km59	14,00	574,000	Công ty CP QLDB II Thanh Hóa	Đường bộ miền núi
14	Thiệu Phú - Định Thành - Định Tân (ĐT.516C)	35,970	1.097,290		Đường bộ miền xuôi
	Trong đó:				
-	Đoạn từ Km0-Km8 (bao gồm cầu Khánh Hội 25m, cầu Thành Giang 82m)	8,00	258,190	Đội QLDB huyện Thiệu Hóa	
-	Đoạn từ Km8-Km35+970	27,97	839,100	Công ty CPXD và QLGT Yên Định	
15	Đường Định Tiến - Yên Hùng (ĐT.516D)	21,30	639,000	Công ty TNHH Sơn Đào	Đường bộ miền xuôi
16	Đường Cầu Trầu - Nưa (ĐT.517)	12,70	387,630	Công ty CP QL&XDDB I Thanh Hóa	- Đường bộ miền xuôi.
	Trong đó:				
-	Phần đường	12,66	379,830		
-	Cầu Gồm	0,039	7,800		
17	Đường Kiều - Ân Đỗ (ĐT.518)	12,30	369,000	Công ty TNHH Sơn Đào	Đường bộ miền xuôi

STT	Tên công trình - Hạng mục	Khối lượng thực hiện (Km)	Kế hoạch vốn giao năm 2018	Đơn vị thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên	Ghi chú
18	Đường Cẩm Sơn - Quý Lộc - Kiền (ĐT.518B)	27,00	999,970		
-	Trong đó:				
-	Đoạn từ Km0-Km17+270	17,27	708,070	Xí nghiệp GTXD Cẩm Thủy	Đường bộ miền núi
-	Đoạn từ Km17+270-Km27	9,73	291,900	Công ty CP XD và QLGT Yên Định	Đường bộ miền xuôi
19	Đường Mục Sơn - Hón Can (ĐT.519)	24,50	1.010,701	Công ty CP QL&XDĐB I Thanh Hóa	Đường bộ miền núi
	Trong đó:				
-	Phần đường	24,46	1.002,901		
-	Cầu Dòn	0,039	7,800		
20	Đường Thị trấn Sao Vàng - Bình Sơn - Luận Thành - Bù Đồn - (ĐT.519B)	57,89	2.373,490		Đường bộ miền núi
-	Đoạn Thị trấn Sao Vàng - Bình Sơn (Km0-Km19+890)	19,89	815,490	Đội quản lý sửa chữa đường bộ Thọ Xuân	
-	Đoạn Luận Thành - Bù Đồn (Km19+890-Km57+890)	38,00	1.558,000	Công ty CP QL&XDĐB I Thanh Hóa	
21	Đường Xuân Quý - Thanh Quán (ĐT.520B)	24,73	1.040,960	Công ty TNHH Xây dựng Trường Thanh	Đường bộ miền núi.



STT	Tên công trình - Hạng mục	Khối lượng thực hiện (Km)	Kế hoạch vốn giao năm 2018	Đơn vị thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên	Ghi chú
	Trong đó:				
-	Phản đường	24,56	1.006,960		
-	Cầu Sông Chàng	0,17	34,000		
22	Đường Vạn Mai - Trung Sơn (Bản Tà Bục) (ĐT.521)	24,00	144,000	Công ty CP QLDB II Thanh Hóa	- Đường bộ miền núi; đường ban giao cho đơn vị thi công.
23	Đường Cảnh Nang - Lũng Cao (ĐT.521B)	34,16	1.400,560	Công ty CP QL&XDDB I Thanh Hóa	- Đường bộ miền núi.
24	Đường Ban Công - Phú Lệ (ĐT.521C)	36,83	1.510,030	Công ty CP QL&XDDB I Thanh Hóa	- Đường bộ miền núi.
25	Đường Tén Tân - Quang Chiêu - Mường Chanh (ĐT.521E)	25,90	1.061,900	Công ty CP QLDB II Thanh Hóa	Đường miền núi
26	Đường Thành tâm - Thành Long - Vinh Hưng - TT Vinh Lộc (ĐT.522)	25,40	1.058,890	Công ty CP GT công chính Thạch Thành	- Đường bộ miền núi.
	Trong đó:				
-	Phản đường	25,29	1.036,890		
-	Cầu Phúc Hưng	0,11	22,000		
27	Đường Bim Sơn - Hà Long - Hà Lĩnh (ĐT.522B)	22,60	905,900	Đội quản lý giao thông đường Hà Trung	

STT	Tên công trình - Hạng mục	Khối lượng thực hiện (Km)	Kế hoạch vốn giao năm 2018	Đơn vị thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên	Ghi chú
	Trong đó:				
-	Cầu Đen	0,04	8,000	nt	
-	Đoạn từ Km0-Km2+500	2,46	73,800	nt	Đường bộ miền xuôi
-	Đoạn từ Km2+500-Km22+600	20,10	824,100	nt	Đường bộ miền núi
28	Đường Cẩm Tú - Điền Lư (ĐT.523B)	32,50	1.332,500	Xí nghiệp GTXD Cẩm Thủy	Đường bộ miền núi
29	Đường Vĩnh Long - Thạch Bình - Cẩm Ngọc (ĐT 523C)	23,90	979,900	Công ty CP GT công chính Thạch Thành	Đường bộ miền núi
30	Đường Ban Công – Lương Nội (ĐT.523D)	32,500	1.332,500	Công ty cổ phần quản lý và xây dựng đường bộ I Thanh Hóa	Đường miền núi, thực hiện quản lý từ 01/1/2018
31	Đường Cẩm Phong – Cẩm Lương – Cẩm Thạch (ĐT.523E)	15,500	635,500	Xí nghiệp Giao thông xây dựng Cẩm Thủy	Đường miền núi, thực hiện quản lý từ 01/1/2018
32	Đường Hậu Lộc - Quán Dốc (ĐT 526B)	7,80	234,000	Công ty CP Xây dựng giao thông 1	Đường bộ miền xuôi
33	Đường Tứ Thôn - Mộng Giường (ĐT.527B)	13,50	405,000	Đội bảo dưỡng cầu đường huyện Nga Sơn	Đường bộ miền xuôi
34	Đường thị trấn Hà Trung - Hà Lan (ĐT.527C)	11,40	342,000	Đội quản lý giao thông đường Hà Trung	Đường bộ miền xuôi

STT	Tên công trình - Hạng mục	Khối lượng thực hiện (Km)	Kế hoạch vốn giao năm 2018	Đơn vị thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên	Ghi chú
35	Đường Quán Láo - Sét - Dốc Lê (ĐT.528)	8,00	240,000	Công ty TNHH Sơn Đào	Đường bộ miền xuôi
36	Đường Thanh Tân - Bò Lăn (ĐT.529)	10,50	430,500	Công ty cổ phần Trung Á	Đường bộ miền núi
37	Đường Lang Chánh - Yên Khương (ĐT.530)	43,82	1.280,960	Công ty CP QLDB II Thanh Hóa	Đường bộ miền núi;
	Trong đó:				
-	Cầu treo Quang Hiến	0,12	48,000	nt	
-	Cầu Lang Chánh	0,14	28,000	nt	
-	Đoạn từ Km0-Km27+100	26,96	1.105,360	nt	
-	Đoạn từ Km27+100-Km43+700	16,60	99,600	nt	Đường đang thi công, đã bàn giao cho đơn vị thi công (đường Yên Khương - Méng) từ 01/4/2015.
38	Đường Thị trấn Lang Chánh - Trung Hạ (ĐT.530B)	34,93	1.431,925	Công ty CP QLDB II Thanh Hóa	Đường bộ miền núi
39	Cầu Mường Lát thuộc gói thầu K5.2 - Tuyến nối các huyện: Tây Thanh Hóa	0,26	51,000	Công ty CP QLDB II Thanh Hóa	Cầu Mường Lát thuộc tuyến nhánh Tây Thanh Hóa, không nâng lên quốc lộ.
40	Đường Hải Thượng Lãn Ông	2,00	60,000	Công ty CP Xây dựng giao thông 1	Đường bộ miền xuôi

STT	Tên công trình - Hạng mục	Khối lượng thực hiện (Km)	Kế hoạch vốn giao năm 2018	Đơn vị thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên	Ghi chú
41	Đường vào nhà máy giấy Châu Lộc	3,00	90,000	Công ty CP Xây dựng giao thông 1	Đường bộ miền xuôi
42	Đường tuần tra biên giới	135,20	5.543,20		Đường bộ miền núi
-	<i>Đoạn Km0-Km82</i>	<i>82,00</i>	<i>3.362,000</i>	<i>Công ty CP QLDB II Thanh Hóa</i>	
-	<i>Đoạn Km82-Km135.2</i>	<i>53,20</i>	<i>2.181,200</i>	<i>Công ty CP QL&amp;XDDB I Thanh Hóa</i>	
43	Đường Voi - Sầm Sơn	6,15	184,470	Công ty CP Xây dựng giao thông 1	Đường đô thị
44	Đường từ QL47 đi Cảng hàng không Thọ Xuân và đoạn tuyến số 1 thuộc hạng mục đảm bảo giao thông liên hoàn	2,80	1.396,962	Công ty CP QL&XDDB I Thanh Hóa	Đường đô thị
-	<i>Kinh phí sửa chữa thường xuyên</i>	<i>2,80</i>	<i>84,000</i>		
-	<i>Kinh phí chiếu sáng, duy trì chăm sóc cây</i>	<i>Toàn bộ</i>	<i>1.312,962</i>		
45	Tuyến đường giao thông từ Quốc lộ 47 đến đường Hồ Chí Minh, huyện Thọ Xuân	5,600	560,084	Công ty CP QL&XDDB I Thanh Hóa	Đường đô thị
-	<i>Kinh phí sửa chữa thường xuyên</i>	<i>5,738</i>	<i>172,140</i>		
-	<i>Kinh phí chiếu sáng</i>	<i>Toàn bộ</i>	<i>387,944</i>		
46	Đường Thị trấn Mường Lát - Mường Lý (ĐT.521D)	13,70	561,700	Công ty CP QLDB II Thanh Hóa	Đường miền núi

STT	Tên công trình - Hạng mục	Khối lượng thực hiện (Km)	Kế hoạch vốn giao năm 2018	Đơn vị thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên	Ghi chú
47	Đại lộ Nam sông Mã	14,60	552,580	Công ty CP Xây dựng giao thông 1	Đường đô thị (tiếp nhận quản lý từ ngày 05/1/2017)
	- Phần đường	13,93	417,780		
	- Cầu Bến Ngự (290m), cầu Thống Nhất (234m), cầu Sông Đơ (150)	0,674	134,800		
48	Đường vành đai phía Tây (đoạn Km6+00-Km14+632)	8,632	161,850	Công ty CP Xây dựng giao thông 1	Đường đô thị (tiếp nhận quản lý từ Quý III/2017, đường đang trong thời gian bảo hành)
49	Tuyến đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn	65,950	989,250	Công ty CP Xây dựng giao thông 1	Thực hiện quản lý từ 01/1/2018; đường đang trong thời gian bảo hành.
<b>II</b>	<b>Vốn thường xuyên giao sau</b>		<b>9.239,753</b>		

**PHỤ LỤC 02**  
**CÔNG KHAI KẾ HOẠCH VỐN CÁC CÔNG TRÌNH SCDK ĐƯỜNG TỈNH ĐÃ QUYẾT TOÁN**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Tên công trình, hạng mục công việc	GTQT được duyệt	Vốn đã giao đến hết 2017	Kế hoạch giao năm 2018	
	<b>Tổng</b>	<b>130.618,584</b>	<b>91.308,091</b>	<b>16.218,022</b>	
<b>I</b>	<b>Các công trình quyết toán năm 2015</b>	<b>42.366,770</b>	<b>34.614,369</b>	<b>7.752,401</b>	
1	Sửa chữa, láng nhựa cục bộ mặt đường đoạn Km11-Km13; Km14+500-Km17+500 đường tỉnh Chuối - Thanh Tân - Bãi Trành (ĐT 505)	1.240,901	1.000,000	240,901	
2	Sửa chữa, láng nhựa cục bộ mặt đường đoạn Km0-Km6 đường tỉnh Cầu Quan - Thọ Xuân - Mục Sơn - Đường HCM (ĐT 506)	3.199,919	2.560,000	639,919	
3	Sửa chữa, láng nhựa cục bộ mặt đường đoạn Km3+500-Km5+00 đường tỉnh Tây Hồ - Sao Vàng (ĐT 506D)	2.461,294	1.977,501	483,793	
4	Sửa chữa, láng nhựa cục bộ mặt đường đoạn Km4-Km9 đường tỉnh Kim Tân - Thạch Định - Thạch Quảng (ĐT 516)	2.764,638	2.213,000	551,638	
5	Sửa chữa, láng nhựa cục bộ mặt đường và xây rãnh thoát nước dọc đoạn Km38+100-Km38+400 và Km25+500-Km30 đường tỉnh Kim Tân - Vĩnh Hùng - Thị trấn Quán Lào - Thị trấn nông trường Thống Nhất - Phố Châu (ĐT 516B)	4.317,480	3.458,000	859,480	
6	Sửa chữa, láng nhựa cục bộ mặt đường đoạn Km8-Km10+500 đường tỉnh Thiệu Phú - Định Thành - Định Tân (ĐT 516C)	1.231,186	1.023,599	207,587	

STT	Tên công trình, hạng mục công việc	GTQT được duyệt	Vốn đã giao đến hết 2017	Kế hoạch giao năm 2018	
7	Sửa chữa, láng nhựa cục bộ mặt đường đoạn Km0-Km17; Km37-Km38 đường tỉnh Luận Thành - Bù Đồn (ĐT 519B)	2.481,191	2.108,794	372,397	
8	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đoạn Km0-Km4 đường tỉnh Bim Sơn - Phố Cát (ĐT 522)	2.666,051	2.148,926	517,125	
9	Sửa chữa, láng nhựa cục bộ mặt đường đoạn Km17-Km20 đường tỉnh Bim Sơn - Phố Cát (ĐT 522)	1.561,123	1.300,000	261,123	
10	Sửa chữa mặt đường đoạn từ Quốc lộ 47 vào Dền thờ Lê Hy, xã Đông Khê, huyện Đông Sơn	1.565,365	1.274,000	291,365	
11	Sửa chữa cục bộ các hư hỏng mặt đường tỉnh Hà Ninh - Ngã ba Hạnh (ĐT.508)	1.137,391	953,000	184,391	
12	Sửa chữa nền, mặt đường và xây rãnh thoát nước dọc tỉnh Cầu Quan - Thọ Xuân - Mục Sơn - Đường Hồ Chí Minh (ĐT.506), đoạn Km17+240 - Km17+700 thuộc địa phận thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn	1.812,752	1.459,000	353,752	
13	Sửa chữa nền, mặt đường tỉnh Cầu Quan - Thọ Xuân - Mục Sơn - Đường Hồ Chí Minh (ĐT.506), đoạn Km32+00-Km50+700 thuộc thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân	1.191,363	993,000	198,363	
14	Sửa chữa nền, mặt đường tỉnh thị trấn Thiệu Hóa - Xuân Lam - Xuân Vinh (ĐT.506B), đoạn Km29+00-Km33+00 đi qua xã Xuân Lam, xuân Vinh, huyện Thọ Xuân	1.033,021	874,000	159,021	

STT	Tên công trình, hạng mục công việc	GTQT được duyệt	Vốn đã giao đến hết 2017	Kế hoạch giao năm 2018	
15	Sửa chữa nền, mặt đường và xây dựng rãnh thoát nước đoạn từ ngã ba xã Hoa Lộc đi kề biển xã Minh Lộc thuộc đường tỉnh DT.526	3.850,601	3.292,771	557,830	
16	Sửa chữa láng nhựa cục bộ nền, mặt đường đoạn Km30+00 - Km31+00 đường tỉnh Kim Tân - Vĩnh Hùng - TT Quán Lào - NT Thống Nhất - Phố Châu (ĐT.516B)	1.074,060	934,000	140,060	
17	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đường tỉnh Ngã ba Môi - Núi Chẹt (ĐT.511)	1.970,347	1.598,395	371,952	
18	Đường Định Tiến - Yên Hùng (ĐT 516D) đoạn Km0+00-Km3+00; Km9+600-Km11+200 và xây rãnh thoát nước dọc Km9+600-Km11+200	6.808,087	5.446,383	1.361,704	
<b>II</b>	<b>Các công trình quyết toán năm 2016</b>	<b>31.464,350</b>	<b>24.016,648</b>	<b>2.375,621</b>	
1	Xây rãnh thoát nước dọc đoạn Km0 - Km4 đường tỉnh Bim Sơn - Phố Cát (ĐT.522)	5.734,619	4.369,932	557,005	
2	Sửa chữa hư hỏng tuyến đường tỉnh DT.504 từ xã Quảng Bình - Quảng Yên, huyện Quảng Xương	1.990,926	1.495,011	238,616	
3	Sửa chữa mặt đường đoạn Km0-Km1; Km8-Km12 đường tỉnh Chuối - Thanh Tân (ĐT. 505)	996,575	748,173	70	
4	Sửa chữa mặt đường đoạn Km 21-Km32 đường tỉnh Cầu Quan - Mục Sơn (ĐT.506)	988,895	748,503	70	
5	Sửa chữa mặt đường đoạn Km1-Km5 đường tỉnh Yên Phong - Cầu Bụt (ĐT.506C)	471	400	71	



STT	Tên công trình, hạng mục công việc	GTQT được duyệt	Vốn đã giao đến hết 2017	Kế hoạch giao năm 2018	
6	Sửa chữa mặt đường đoạn Km19+500-Km20+100, đường tỉnh ĐT.512	1.672,102	1.256,848	120	
7	Sửa chữa mặt đường tỉnh ngã ba Sim - Xuân Thắng (ĐT.514B)	955,685	770,641	50	
8	Sửa chữa tuyến đường tỉnh Ba Chè - Thiệu Toán (ĐT 515) đoạn Km5+00-Km11+700	1.128,102	920,000	50	
9	Sửa chữa mặt đường đoạn Km0-Km4 đường tỉnh Kim Tân - Thạch Định - Thạch Quảng (ĐT.516)	795,582	599,389	50	
10	Sửa chữa mặt đường đoạn Km5+00-Km15+00; Km18+00-Km23; Km 24-Km25+500; Km33-Km36, Km48-Km49; Km52-Km58+500 đường tỉnh Kim Tân - Vĩnh Hùng - NTTN - Phố Châu (ĐT.516B)	1.472,832	1.110,067	100	
11	Sửa chữa mặt đường đoạn Km0+0-Km7, Km18-Km21+400 tuyến đường tỉnh Định Tiến - Yên Hùng (ĐT 516D)	996,547	749,797	70	
12	Sửa chữa mặt đường đoạn Km6-Km8; Km11-Km12; Km14-Km20+0 đường Kiểu - Ấn Độ (ĐT 518)	1.976,917	1.487,304	129	
13	Sửa mặt đường đoạn Km0-Km3; Km6-Km7; Km15-Km18+600 đường tỉnh Cẩm Sơn - Quý Lộc - Kiểu (ĐT.518B)	998,301	745,454	70	
14	Sửa chữa mặt đường đoạn Km 13+00-Km16+500 đường tỉnh Bim Sơn- Hà Long - Hà Lĩnh (ĐT.522B)	599,990	450,000	50	
15	Sửa chữa mặt đường đoạn Km1-Km2+00; Km8-Km10; Km 35+00-Km50+00 đường tỉnh Cầu cừ - Kim Tân - Đốc Trâu- Thạch Quảng (ĐT.523)	994,688	749,842	70	
16	Sửa chữa mặt đường đoạn Km10-Km20; Km28-Km31+800 đường Cẩm Tú- Điện Lư (S23B)	1.114,454	838,163	80	

STT	Tên công trình, hạng mục công việc	GTQT được duyệt	Vốn đã giao đến hết 2017	Kế hoạch giao năm 2018	
17	Sửa chữa mặt đường đoạn Km4+900-Km6+400, đường Vĩnh Long - Thạch Bình - Cẩm Ngọc (ĐT523C)	1.088,278	820,679	80	
18	Sửa chữa mặt đường đoạn Km 0-Km4: Km18-Km24 đường tỉnh Vĩnh Long - Thạch Bình - Cẩm Ngọc (ĐT523C)	837,698	630,000	50	
20	Sửa chữa mặt đường tỉnh Hoa Lộc - Minh Lộc (ĐT.526)	987,305	749,452	50	
21	Sửa chữa mặt đường đoạn Km0+00-Km8+00, tuyến đường tỉnh Quán Lâu - Sét - Dốc Lê (ĐT.528)	999,135	751,143	50	
22	Đảm bảo giao thông đường Lang Chánh - Yên Khương (Km0-Km10)	1.093,438	824,804	80	
23	Sửa chữa đảm bảo giao thông Km0-Km5+200; cầu Phú Km5+100, đường tỉnh Nghĩa Trang - Chợ Phú (ĐT.509)	1.482,916	1.112,263	100	
24	Bổ sung hệ thống ATGT, mốc lộ giới tuyến đường tỉnh Kiểu-Ấn Đỗ (ĐT.518)	599,385	450,000	50	
25	Cắm cọc tiêu, biển báo, cột Km đường tỉnh Xuân Quý - Thanh Quân (ĐT.520B).	999,465	749,706	70	
<b>III</b>	<b>Các công trình quyết toán năm 2017</b>	<b>56.787</b>	<b>32.677</b>	<b>6.090</b>	
<i>I</i>	<i>Công trình sửa chữa định kỳ năm 2016</i>	<i>45.852</i>	<i>27.004</i>	<i>4.380</i>	
1	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0-Km3 tuyến đường Đình Hương - Giảng - Thiệu Đô (ĐT.502)	898	520	100	

STT	Tên công trình, hạng mục công việc	GTQT được duyệt	Vốn đã giao đến hết 2017	Kế hoạch giao năm 2018	
2	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km3+200-Km9 tuyến đường Đình Hương - Giàng - Thiệu Đô (ĐT.502)	998	580	100	
3	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km9+500-Km14 tuyến đường Đình Hương - Giàng - Thiệu Đô (ĐT.502)	948	550	100	
4	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0+500-Km2 tuyến đường QL.47 đi Cánh Thanh Hóa (ĐT.503)	577	350	50	
5	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km22-Km26 đường tỉnh Thiệu Hóa - Xuân Vinh - Xuân Lam (ĐT.506B)	998	580	100	
6	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km8+200-Km9+850; Km11+050-Km11+600 đường tỉnh Yên Phong - Cầu Bụt (ĐT.506C)	899	520	100	
7	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0-Km0+50; Km5+00-K7+00; Km8+00-Km10+200 đường tỉnh Môi - Chẹt (ĐT.511)	931	540	100	
8	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km8+00-Km8+900; Km23+00-Km28+320 đường tỉnh Thiệu Phú - Định Thành - Định Tân (ĐT.516C)	933	580	50	
9	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km4-Km10 đường tỉnh Cẩm Tú - Điền Lư	898	520	100	
10	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0-Km4 đường tỉnh Thiệu Lý - Đông Hoàng	946	550	100	
11	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km44- Km46 tuyến đường tỉnh (ĐT.516B)	789	470	50	
12	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km49- Km51 tuyến đường tỉnh (ĐT.516B)	865	500	100	
13	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km51+500- Km54+500 tuyến đường tỉnh	898	520	100	

STT	Tên công trình, hạng mục công việc	GTQT được duyệt	Vốn đã giao đến hết 2017	Kế hoạch giao năm 2018	
14	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km5+500-Km7; Km7+500-Km8+500; Km9+500-Km10+500; Km11-Km14+500 tuyến đường tỉnh (ĐT.516B)	999	580	100	
15	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường BTXM đảm bảo giao thông đoạn Km22+500-Km23 (ĐT.518B)	974	560	100	
16	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường BTXM đảm bảo giao thông đoạn Km25+500-Km26 (ĐT.518B)	950	550	100	
17	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km6-Km8+800; Km13+500-Km16 và sửa chữa cống tại Km15+700 (ĐT.518B)	901	520	100	
18	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km12+530-Km17+500 đường tỉnh Mục Sơn - Hón Can (ĐT.519)	841	500	80	
19	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km17-Km22 đường tỉnh Luận Thành - Bù Đồn	893	520	100	
20	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km27-Km29; Km37-Km38 đường tỉnh Luận Thành - Bù Đồn (ĐT.519B)	923	540	100	
21	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km4+800-Km13 đường tỉnh Xuân Quý - Thanh Quân (ĐT.520B)	1.000	580	100	
22	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km14+300-Km18+100 đường tỉnh Xuân Quý - Thanh Quân (ĐT.520B)	900	520	100	
23	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km18+500-Km24+700 đường tỉnh Xuân Quý - Thanh Quân (ĐT.520B)	950	550	100	
24	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0-Km2+600 đường tỉnh Thành Tâm - Thành Long - Vĩnh Hưng - TT Vĩnh Lộc (ĐT.522)	685	500		
25	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km3-Km6+500 đường tỉnh Thành Tâm - Thành Long - Vĩnh Hưng - TT Vĩnh Lộc (ĐT.522)	887	510	100	

STT	Tên công trình, hạng mục công việc	GTQT được duyệt	Vốn đã giao đến hết 2017	Kế hoạch giao năm 2018	
26	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km7+500-Km13+500 đường tỉnh Thành Tâm -Thành Long - Vĩnh Hưng - TT Vĩnh Lộc (ĐT.522)	1.000	580	100	
27	Xây dựng hệ thống ATGT đường tỉnh Thành Tâm -Thành Long - Vĩnh Hưng - TT Vĩnh Lộc (ĐT.522)	949	550	100	
28	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0+300-Km2+400; Km7+300-Km8+600 đường tỉnh Bim Sơn - Hà Long - Hà Lĩnh (ĐT.522B)	948	550	100	
29	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đường đảm bảo giao thông đoạn Km19+500 - Km20+800, Cống tại Km13+871 đường tỉnh Bim Sơn - Hà Long - Hà Lĩnh	986	580	100	
30	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km 25-Km27; sửa chữa cống tại Km26+100, đường tỉnh Cẩm Tú - Diên Lư (ĐT.523B)	656	470		
31	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km 29-Km32; đường tỉnh Cẩm Tú - Diên Lư	948	550	100	
32	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0+200-Km0+400; Km1+200-Km4+00 tuyến đường Vĩnh Long - Thạch Bình - Cẩm Ngọc (ĐT523C)	999	580	100	
33	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km8-Km13+00 tuyến đường Vĩnh Long - Thạch Bình - Cẩm Ngọc (ĐT523C)	949	550	100	
34	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km16-Km23+800 tuyến đường Vĩnh Long - Thạch Bình - Cẩm Ngọc (ĐT523C)	998	580	100	
35	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0+00-Km6+00 tuyến đường Hậu Lộc - Quán Dốc (ĐT.526B)	944	550	100	
36	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km6+200-Km7 tuyến đường Hậu Lộc - Quán Dốc (ĐT.526B)	754	460	50	
37	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km8+800-Km10+200 đường tỉnh Thị trấn Hà Trung - Hà Lan (ĐT.527C)	985	570	100	

STT	Tên công trình, hạng mục công việc	GTQT được duyệt	Vốn đã giao đến hết 2017	Kế hoạch giao năm 2018	
38	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km10+400-Km11+400 đường tỉnh Thị trấn Hà Trung - Hà Lan (ĐT.527C)	651	464		
39	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km1+500- Km2+500; Km5+500-Km8+200 tuyến đường tỉnh 530	998	580	100	
40	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km23+400-Km25+500; Km26+500-Km27 tuyến đường tỉnh (ĐT.530)	948	550	100	
41	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km9+500-Km14 tuyến đường tỉnh Hoàng Long - Hoàng Đại - ngã tư Goong - Chợ vực (ĐT.510)	960	560	100	
42	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km14+500-Km16; Km23-Km25 đường tỉnh Kiều - Ân Đỗ (ĐT.518)	926	540	100	
43	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km41-Km45 tuyến đường tỉnh Sim - Bến sung - Thanh Tân (ĐT.520)	999	580	100	
44	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0-Km1; Km2-Km2+500 đường tỉnh Cầu Cừ - Kim Tân - Dốc Trầu (ĐT.523)	947	550	100	
45	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km26-Km29, Km31-Km33 đường tỉnh Cầu Cừ - Kim Tân - Dốc Trầu (ĐT.523)	997	580	100	
46	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km1-Km6, tuyến đường tỉnh Báo Văn - Ngã tư sy (ĐT.524)	1.042	600	100	
47	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km1-Km8, tuyến đường tỉnh Bim Sơn - Nga Sơn	899	520	100	
48	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km13-Km15 tuyến đường tỉnh Hoàng Trường - Hoàng Phụ (ĐT.510B)	973	560	100	
49	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km5-Km8; Km13-Km14 tuyến đường tỉnh (ĐT 505)	925	540	100	

STT	Tên công trình, hạng mục công việc	GTQT được duyệt	Vốn đã giao đến hết 2017	Kế hoạch giao năm 2018	
50	Bổ sung hệ thống ATGT đường tỉnh Đình Hương - Giàng - Thiệu Đô (ĐT.502)	496	300		
51	Bổ sung hệ thống ATGT đường tỉnh ngã ba Sím - Xuân Thắng (ĐT.514B)	498	300		
<b>III.2</b>	<b>Công trình sửa chữa đột xuất, cấp bách năm 2016</b>	<b>950</b>	<b>673</b>	<b>60</b>	
1	Sửa chữa đột xuất, đảm bảo ATGT đoạn Km2+150-Km3+300 đường tỉnh Thành Tâm - Thành Long - Vĩnh Hưng - TT Vĩnh Lộc (ĐT.522)	740	523		
2	Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật kiểm định, đánh giá tải trọng cầu trên các tuyến đường tỉnh	210	150	60	
<b>III.3</b>	<b>Các công trình sửa chữa đường tỉnh trên địa bàn huyện Yên Định đã QT 2016</b>	<b>9.986</b>	<b>5.000</b>	<b>1.650</b>	
1	Sửa chữa mặt đường đoạn Km22+200-Km29+235 tuyến đường tỉnh Kim Tân - Vĩnh Hùng - TT Quán Láo - NT Thống nhất - Phố Châu (ĐT.516B)	970	490	160	
2	Sửa chữa mặt đường đoạn Km3+250 - Km6+00 tuyến đường tỉnh tuyến đường tỉnh Quán Láo - Sét - Dốc Lê (ĐT.528)	1.021	510	160	
3	Sửa chữa mặt đường đoạn Km4+00- Km15+00 tuyến đường tỉnh tuyến đường tỉnh Định Tiến - Yên Hùng (ĐT.516D)	940	470	160	
4	Sửa chữa mặt đường đoạn Km29+235 - Km34+00 tuyến đường tỉnh Kim Tân - Vĩnh Hùng - TT Quán Láo - NT Thống nhất - Phố Châu (ĐT.516B)	1.052	530	170	
5	Sửa chữa mặt đường đoạn Km34-Km37+700 tuyến đường tỉnh Kim Tân - Vĩnh Hùng - TT Quán Láo - NT Thống nhất - Phố Châu (ĐT.516B)	1.091	550	180	
6	Sửa chữa mặt đường đoạn Km1+00-Km-Km3+250 tuyến đường tỉnh tuyến đường tỉnh Quán Láo - Sét - Dốc Lê (ĐT.528)	812	410	130	

STT	Tên công trình, hạng mục công việc	GTQT được duyệt	Vốn đã giao đến hết 2017	Kế hoạch giao năm 2018	
7	Sửa chữa mặt đường đoạn Km0-Km3+00 tuyến đường tỉnh	941	470	160	
8	Sửa chữa mặt đường đoạn Km3+00-Km6+780 tuyến đường tỉnh Định Bình – Định Thành (ĐT.516C)	949	470	170	
9	Sửa chữa mặt đường đoạn 37+700-Km40+00 tuyến đường tỉnh Kim Tân – Vĩnh Hùng – TT Quán Láo – NT Thống nhất – Phó Châu (ĐT.516B)	1.097	550	170	
10	Sửa chữa mặt đường đoạn Km23+00-Km28+320 tuyến đường tỉnh Thiệu Phú – Định Thành – Định Tân (ĐT.516C)	1.113	550	190	



## PHỤ LỤC 03

## CÔNG KHAI KẾ HOẠCH VỐN CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ ĐƯỜNG TỈNH ĐANG THỰC HIỆN QUYẾT TOÁN

DVT: Triệu đồng

TT	Công trình	TMBT (đã duyệt)	Vốn giao đến hết năm 2017	Giao kế hoạch năm 2018	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>78.968</b>	<b>40.996</b>	<b>13.270</b>	
1	Sửa chữa, gia cố lề đường tỉnh 506, đoạn Cầu Quan - Thọ Xuân - Mục Sơn - Đường Hồ Chí Minh	18.068	10.996	1.475	
2	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km1+500-Km9+500 tuyến đường TT Thiệu Hóa - Xuân Vinh - Xuân Lam (ĐT.506B)	1.100	550	200	
3	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km24+600-Km26+700 và cống thoát nước ngang Km24+554 tuyến đường tỉnh TT Thiệu Hóa - Xuân Vinh - Xuân Lam (ĐT.506B)	1.700	850	300	
4	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0+400 - Km1+00; Km10+00 - Km11+00 Đường tỉnh Yên Phong - Cầu Bụt (ĐT.506C)	1.100	550	200	
5	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km7+00 - Km10+100 và bổ sung hệ thống ATGT Đường tỉnh Thọ Minh - Kiên Thọ (ĐT.506D)	2.700	1350	500	
6	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0-Km13 Đường tỉnh Hà Ninh - Ngã Ba Hạnh (ĐT.508)	1.100	550	200	
7	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km8+00 -Km9+500; Km14+00 -Km15+00 Đường tỉnh Hoàng Long - Hoàng Đại - Ngã Tư Gòong - Chợ Vực (ĐT.510)	1.100	550	200	

TT	Công trình	TMĐT (đã duyệt)	Vốn giao đến hết năm 2017	Giao kế hoạch năm 2018	Ghi chú
8	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km8+200-Km10+800 tuyến đường Hoàng Trường - Hoàng Phụ (ĐT.510B)	1.100	550	200	
9	Xây rãnh thoát nước dọc đoạn Km0+00-Km0+500 đường Môi - Chệt (ĐT.511)	1.500	750	300	
10	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km16+500-Km18+200 đường tỉnh Vạn Thiện - Tượng Sơn (ĐT.512)	1.000	500	200	
11	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km18+400-Km20+00 đường tỉnh Vạn Thiện - Tượng Sơn (ĐT.512)	1.100	550	200	
12	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km16+500-Km17+800 đường tỉnh Ba Chè - Hạnh Phúc (ĐT.515)	1.000	500	200	
13	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đoạn Km48+100-Km48+800; Km54+500-Km56+200; sửa chữa cầu Vực Lỗi Km48+800 đường tỉnh Kim Tân - Vĩnh Hùng - TT Quán Láo - TT NT Thống Nhất - Phố Châu (ĐT.516B)	1.100	550	200	
14	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km18+00-Km19+300 đường tỉnh Ba Chè - Hạnh Phúc (ĐT.515)	1.000	500	200	
15	Sửa chữa cống thoát nước Km33+350 Đường tỉnh Kim Tân - Vĩnh Hùng - TT Quán Láo - NT Thống Nhất - Phố Châu	150	75	75	
16	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km5+300-Km7+500 và xây rãnh thoát nước đoạn Km6+300-Km6+665 tuyến đường Thiệu Phú - Định Thành - Định Tân (ĐT.516C)	1.450	725	250	
17	Xây rãnh kín hai bên Km56+700-Km57+200 đường tỉnh Kim Tân-Vĩnh Hùng-TT Quán Láo - TT NT Thống Nhất - Phố Châu (ĐT.516B)	1.200	600	200	

TT	Công trình	TMDT (đã duyệt)	Vốn giao đến hết năm 2017	Giao kế hoạch năm 2018	Ghi chú
18	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km8+900-Km10 Đường tỉnh Thiệu Phú - Định Thành - Định Tân (ĐT.516C)	1.000	500	200	
19	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km7+00 - Km9+060 tuyến đường tỉnh Định Tiến - Yên Hùng (ĐT.516D)	1.000	500	200	
20	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km23+00-Km24+200, Km25+00-Km27+700 và bổ sung hệ thống ATGT đoạn Km23+00-Km28+320, nhánh Định Bình - Định Thành đường tỉnh Thiệu Phú - Định Thành - Định Tân	1.100	550	200	
21	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km18+00-Km19+820 đường tỉnh Kiều - Ân Đỗ (ĐT.518)	1.100	550	200	
22	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0+00-Km3+00; Km5-Km6 Đường tỉnh Cẩm Sơn - Quý Lộc (ĐT.518B)	1.100	550	200	
23	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km5 - Km9+620 đường tỉnh TT Sao Vàng - Bình Sơn - Luận Thành - Bù Đồn (ĐT.519B)	4.800	2400	800	
24	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km24+350-Km24+800 Đường tỉnh Cẩm Sơn - Quý Lộc - Kiều (ĐT.518B)	1.100	550	200	
25	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0-Km5 đường Sim - Bến Sung - Thanh Tân (ĐT.520)	1.600	800	300	
26	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km25+00-Km25+500 Đường tỉnh Cẩm Sơn - Quý Lộc - Kiều (ĐT.518B)	1.100	550	200	
27	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km17+270-Km18; Km26+00-Km26+600 Đường tỉnh Cẩm Sơn - Quý Lộc - Kiều (ĐT.518B)	1.100	550	200	

TT	Công trình	TMDT (đã duyệt)	Vốn giao đến hết năm 2017	Giao kế hoạch năm 2018	Ghi chú
28	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km17+500-Km19+00 và vị trí sạt lở taluy âm do ảnh hưởng của mưa bão năm 2016 đường tỉnh Mục Sơn - Hón Can (ĐT.519)	1.200	600	200	
29	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn 15+200-Km16+00 đường tỉnh Bim Sơn - Hà Long - Hà Lĩnh (ĐT.522B)	1.000	500	200	
30	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km30+00-Km34+500 đường tỉnh TT Sao Vàng - Bình Sơn - Luận Thành - Bù Đồn (ĐT.519B)	1.000	500	200	
31	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km49+00-Km54+00 đường tỉnh TT Sao Vàng - Bình Sơn - Luận Thành - Bù Đồn (ĐT.519B)	1.000	500	200	
32	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đảm bảo giao thông tại các vị trí Km41+800, Km46+400 đường tỉnh TT Sao Vàng - Bình Sơn - Luận Thành - Bù Đồn (ĐT.519B) do ảnh hưởng của mưa bão năm 2016	800	400	150	
33	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình tràn đảm bảo giao thông do ảnh hưởng của mưa bão năm 2016 trên đường tỉnh Xuân Quý - Thanh Quân (ĐT.520B)	1.000	500	200	
34	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0+00-Km7+200 đường Cảnh Năng - Lũng Cao (ĐT.521B)	1.000	500	200	
35	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km23+00 - Km25+380 Đường tỉnh Thành Tâm - Thành Long - Vĩnh Hưng - TT Vĩnh Lộc (ĐT.522)	1.100	550	220	
36	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km23+600-Km26+650 đường tỉnh TT Sao Vàng - Bình Sơn - Luận Thành - Bù Đồn (ĐT.519B)	1.000	500	200	

TT	Công trình	TMDT (đã duyệt)	Vốn giao đến hết năm 2017	Giao kế hoạch năm 2018	Ghi chú
37	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km13+00-Km15+00 đường tỉnh Bim Sơn - Hà Long - Hà Lĩnh (ĐT.522B)	1.100	550	200	
38	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km8+200-Km10; Km25+500-Km26+00 đường tỉnh Lang Chánh - Yên Khương (ĐT.530)	1.100	550	200	
39	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km1+00-Km2+00, Km2+500-Km7 Đường tỉnh Cầu Cũ - Kim Tân (ĐT.523)	2.000	550	800	
40	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km1+00-Km5 +00 Đường tỉnh Cẩm Tú-Điện Lư (ĐT.523B)	1.100	550	200	
41	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn từ cầu Nam Khê xã Hải Lộc đi Ngã tư xã Minh Lộc (đài khoảng 4,2km) đường tỉnh Đại Lộc - Hoa Lộc - Minh Lộc - Đa Lộc (ĐT.526)	1.100	550	200	
42	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km13+700 -Km15+300 và xây rãnh thoát nước đoạn Km13+350 -Km13+600 (phải tuyến) Đường tỉnh Cẩm Tú-Điện Lư (ĐT.523B)	1.000	500	200	
43	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km16+300-Km19+400 và xây rãnh thoát nước đoạn Km17+200-Km17+750 Đường tỉnh Cẩm Tú-Điện Lư (ĐT.523B)	1.100	550	200	
44	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0-Km1; Km16-Km25 đường tỉnh Cầu Báo văn-Ngã tư Tư Si-Nga Phú (ĐT.524)	1.100	550	200	
45	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km2+300-Km5+300 đường tỉnh Chợ Kho-Minh Thọ (ĐT.525)	1.100	550	200	

TT	Công trình	TMDT (đã duyệt)	Vốn giao đến hết năm 2017	Giao kế hoạch năm 2018	Ghi chú
46	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0+100-Km4+100 đường tỉnh Thị Trấn Hà Trung- Hà Lan (ĐT.527C)	1.000	500	200	
47	Bổ sung hệ thống an toàn giao thông Đường tỉnh Thị trấn Lang Chánh - Trung Hạ (ĐT.530B)	1.000	500	200	
48	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đảm bảo giao thông tại Km1+200 đường tỉnh Thanh Tân - Bò Lăn (ĐT.529) do ảnh hưởng của mưa bão năm 2016	300	150	100	
49	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km2+500 - Km5+500 đường tỉnh Lang Chánh - Yên Khương (ĐT.530)	1.100	550	200	
50	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km4+100-Km8+400 đường tỉnh Thị Trấn Hà Trung- Hà Lan (ĐT.527C)	1.100	550	200	
51	Xây rãnh thoát nước đoạn Km2+097-Km2+157, Km10+080-Km14+585; bổ sung tấm đan rãnh đoạn Km0+00-Km1+960 và cống thoát nước ngang Km10+100 đường tỉnh Lang Chánh - Yên Khương (ĐT.530)	1.200	600	200	
52	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km32- Km34+900 Đường tỉnh Thị trấn Lang Chánh - Trung Hạ (ĐT.530B)	1.000	500	200	

**PHỤ LỤC 04**  
**CÔNG KHAI KẾ HOẠCH VỐN CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA ĐỊNH KỶ NĂM 2018**

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Tên công trình	Quy mô sửa chữa	TMBĐT dự kiến (triệu đồng)	Giao KH năm 2018	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>		<b>71.000</b>	<b>50.000</b>	
1	Bổ sung hệ thống biển báo ATGT đường Quảng Bình - Quảng Yên (ĐT.504)	Bổ sung hệ thống ATGT theo quy chuẩn hiện hành	300	210	
2	Sửa chữa, gia cố lề và bổ sung rãnh thoát nước đoạn Km7+520 - Km8+100 đường Chuối - Thanh Tân (ĐT.505)	Sửa chữa, gia cố lề và bổ sung rãnh thoát nước	2.500	1.750	
3	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km12+600 - Km12+800, Km13 - Km13+500, Km14 - Km14+300, Km23+700 - Km24+100, Km24+700 - Km24+900 đường Chuối - Thanh Tân (ĐT.505)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	1.100	770	
4	Bổ sung rãnh dọc thoát nước đoạn Km0+180 - Km0+550 đường Chuối - Thanh Tân (ĐT.505)	Bổ sung rãnh thoát nước đoạn Km0+366 - Km0+540 (trái tuyến), Km0+270 - Km0+540 (phải tuyến)	900	630	
5	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0 - Km10+00 đường tỉnh TT Thiệu Hóa - Xuân Vinh - Xuân Lam (ĐT.506B)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ, đảm bảo giao thông	1.100	770	
6	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0+00 - Km2+400 và bổ sung rãnh thoát nước đoạn Km0+010 - Km1+00 đường Thọ Minh - Kiên Thọ (ĐT.506D)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường; bổ sung rãnh thoát nước các đoạn tuyến qua khu dân cư	4.200	3.000	
7	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km2+750 - Km3+950 đường Thọ Minh - Kiên Thọ (ĐT.506D)	Xử lý sinh lún, ổ gà cục bộ, láng nhựa mặt đường.	1.100	770	
8	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km4+300 - Km5+700 đường Thọ Minh - Kiên Thọ (ĐT.506D)	Xử lý sinh lún, ổ gà cục bộ, láng nhựa mặt đường.	1.100	770	
9	Bổ sung hệ thống rãnh thoát nước dọc đoạn Km4 - Km4+600, Km6 - Km6+200 (bên trái tuyến) đường tỉnh Hà Ninh - Ngã ba Hạnh (ĐT.508)	Bổ sung rãnh thoát nước	1.100	770	

TT	Tên công trình	Quy mô sửa chữa	TMĐT dự kiến (triệu đồng)	Giao KH năm 2018	Ghi chú
10	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km5+050 - Km7+870 tuyến đường Hoàng Long - Hoàng Đại - Ngã Tư Gòong - Chợ Vực (ĐT.510)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	4.000	2.800	
11	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km4+500 - Km5+800 đường Hoàng Trường - Hoàng Phụ (ĐT.510B)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	1.100	770	
12	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km1+750 - Km2+450 và bổ sung rãnh thoát nước hai bên đoạn Km2+00 - Km2+150 đường tỉnh Ngã ba Môi - Núi Chẹt (ĐT.511)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ, láng nhựa mặt đường và bổ sung rãnh thoát nước	1.100	770	
13	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km2+700-Km3+600; Km3+900-Km5+200 đường tỉnh Ngã ba Môi - Núi Chẹt (ĐT.511)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ, láng nhựa mặt đường.	1.100	780	
14	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km5+500-Km5+900; Km6+200-Km6+950; Km7+950-Km8+300; Km10+200-Km10+900 đường tỉnh Ngã ba Môi - Núi Chẹt (ĐT.511)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	1.100	780	
15	Sửa chữa đột xuất cầu Vực Lỗi Km48+857 đường tỉnh 516B	Làm mới bản mặt cầu và lớp phủ mặt cầu; thay thế khe co giãn, hệ lan can mới; tăng cường dầm biên, liên kết ngang; đánh gi, sơn lại toàn bộ hệ dầm; nâng cao gối cầu	3.000	2.100	
16	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km12+00 - Km13+450 đường Thiệu Phú - Định Thành - Định Tân (ĐT.516C)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	1.100	780	
17	Sửa chữa cục bộ nền mặt đường ĐBGT đoạn Km34+200-Km35+970 đường Thiệu Phú - Định Thành - Định Tân (ĐT.516C)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	1.100	780	



TT	Tên công trình	Quy mô sửa chữa	TMDT dự kiến (triệu đồng)	Giao KH năm 2018	Ghi chú
18	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km15+600 - Km16+200, Km18+100 - Km18+600 và Km20+400 - Km21+300 đường Định Tiến - Yên Hùng (ĐT.516D)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	1.100	780	
19	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km20+00 - Km22+00 và bổ sung hệ thống rãnh thoát nước dọc đoạn Km20+200 - Km20+800 (phải tuyến) đường Kiều - Ân Đỗ (ĐT.518)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ, láng nhựa mặt đường và bổ sung rãnh xây hình thang	1.100	780	
20	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km15+00 - Km17+270 đường Kiều - Ân Đỗ (ĐT.518)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	1.000	700	
21	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km8+800 - Km10+500 đường Cẩm Sơn - Quý Lộc - Kiều (ĐT.518B)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	1.000	700	
22	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km11+00 - Km13+500 đường Cẩm Sơn - Quý Lộc - Kiều (ĐT.518B)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	1.000	700	
23	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường BTXM đảm bảo giao thông đoạn Km19+500 - Km20+700 đường tỉnh Cẩm Sơn - Quý Lộc - Kiều (ĐT.518B)	Xử lý hư hỏng cục bộ, đảm bảo giao thông	1.000	700	
24	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km23+000 - Km23+400; Km24+200 - Km24+350 và Km24+800 - Km25+100 đường tỉnh Cẩm Sơn - Quý Lộc - Kiều (ĐT.518B)	Xử lý hư hỏng cục bộ, đảm bảo giao thông	1.400	1.000	
25	Sửa chữa hư hỏng tràn Tân Mỹ 1 (Km46+00), đường hai đầu tràn đường tỉnh Sim - Bến Sung - Thanh Tân (ĐT.520)	Sửa chữa hư hỏng bề tông mặt tràn; kê mái taluy đường đầu tràn	400	280	

TT	Tên công trình	Quy mô sửa chữa	TMDT dự kiến (triệu đồng)	Giao KH năm 2018	Ghi chú
26	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, xây rãnh thoát nước đoạn Km23+00 - Km23+500 và sửa chữa hư hỏng tràn Km23+600 đường tỉnh Xuân Quỳ - Thanh Quân (ĐT.520B)	Xây rãnh đá hộc hình thang và bổ sung tấm đan đường ra, vào nhà dân; Sửa chữa hư hỏng bê tông mặt tràn; kê mái taluy đường đầu tràn	1.100	780	
27	Xây mới cống thoát nước tại Km15+00; gia cố mái taluy âm bị xói lở đường Xuân Quỳ - Thanh Quân (ĐT.520B)	Xây mới cống và gia cố mái taluy bị xói lở	700	500	
28	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km7+200 - Km15+850 đường Cảnh Nang - Lũng Cao (ĐT.521B)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	1.600	1.120	
29	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km27+350-Km27+750, Km29+500-Km30+400, Km31+100-Km32+500 đường Ban Công - Phú Lệ (ĐT.521C)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	1.000	700	
30	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km34+500-Km36+860 và xây rãnh dọc thoát nước đoạn Km36+270-Km36+860 (bên trái) đường Ban Công - Phú Lệ (ĐT.521C)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ, láng nhựa mặt đường và bổ sung rãnh thoát nước	1.100	780	
31	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km10+00-Km13+700 và bổ sung hệ thống ATGT Km0+00-Km13+700 đường TT Mường Lát - Mường Lý (ĐT.521D)	Tăng cường móng DDTC, láng nhựa mặt đường; bổ sung, thay thế hệ thống an toàn giao thông	4.900	3.450	
32	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km15+500-Km15+800 và Km17+400 - Km17+800 đường Thành Tâm - Thành Long - Vĩnh Hưng - TT Vĩnh Lộc (ĐT.522)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	700	500	
33	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km16+300 - Km17+300; Km18+350 - Km19+350 đường Bim Sơn - Hà Long - Hà Lĩnh (ĐT.522B)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	1.000	700	
34	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km29+00-Km30+160 đường Cầu Cừ - Kim Tân - Dốc Trầu - Thạch Quảng (ĐT.523)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	1.000	700	

TT	Tên công trình	Quy mô sửa chữa	TMDT dự kiến (triệu đồng)	Giao KH năm 2018	Ghi chú
35	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km31+900 - Km33+300 đường Cầu Cừ - Kim Tân - Dốc Trầu - Thạch Quảng (ĐT.523)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	1.100	780	
36	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường, bổ sung rãnh thoát nước đoạn Km23+00 - Km24+00, sửa chữa tràn Km23+900 đường Cẩm Tú - Diên Lư (ĐT.523B)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường, bổ sung rãnh thoát nước, sửa chữa tràn	2.400	1.700	
37	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km13+00 - Km14+00, Km22+00 - Km24+00 đường Vĩnh Long - Thạch Bình - Cẩm Ngọc (ĐT.523C)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	1.100	780	
38	Bổ sung hệ thống biển báo ATGT đường Ban Công - Lương Nội (ĐT.523D)	Bổ sung hệ thống ATGT theo quy chuẩn hiện hành	1.100	780	
39	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km1+500 - Km3+00 và bổ sung hệ thống biển báo ATGT đường Cẩm Phong - Cẩm Lương - Cẩm Thạch (ĐT.523E)	Sửa chữa nền, láng nhựa mặt đường; bổ sung hệ thống ATGT theo quy chuẩn hiện hành	1.100	780	
40	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0+00 - Km2+200, Km5+500 - Km6+200 đường Chợ Kho - Minh Thọ (ĐT.525)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	1.100	780	
41	Sửa chữa nền, mặt đường; bổ sung hệ thống rãnh thoát nước dọc đoạn Km2+580 - Km4+00 (đoạn Minh Lộc - Đa Lộc) DT.526	Sửa chữa nền đường và láng nhựa; bổ sung hệ thống rãnh thoát nước bên phải tuyến đoạn từ UBND xã Hưng Lộc - Khu quy hoạch dân cư mới Đa Lộc (Km2+580-Km4) và bên trái tuyến đoạn từ đường rẽ vào UBND xã Ngự Lộc đi Hưng Tiến (Km3+420-Km4)	4.000	2.800	
42	Sửa chữa, gia cố lề và bổ sung rãnh thoát nước đoạn Km1+860 - Km2+140 (bên trái), Km2+600 - Km3+400 (bên phải), Km4+350 - Km4+560 (bên trái) đường Quán Láo - Sét - Dốc Lê (ĐT.528)	Sửa chữa, gia cố lề và bổ sung rãnh thoát nước	3.500	2.450	

TT	Tên công trình	Quy mô sửa chữa	TMDT dự kiến (triệu đồng)	Giao KH năm 2018	Ghi chú
43	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km4+200 - Km5+980, Km6+180 - Km6+400 đường Thanh Tân - Bò Lăn (ĐT.529)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	1.100	780	
44	Sửa chữa, gia cố lề và bổ sung rãnh thoát nước đoạn Km10+283 - Km10+450 (hai bên) đường Hoàng Long - Hoàng Đại - Ngã tư Gòong - Chợ Vực (ĐT.510)	Sửa chữa, gia cố lề và bổ sung rãnh thoát nước	1.000	700	
45	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km43+200 - Km44+750 đường Kim Tân - Vĩnh Hùng - Thị Trấn Quán Láo - NT thống nhất - Phố Châu (ĐT.516B)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	1.000	700	
46	Sửa chữa hư hỏng cầu tràn Km11+300 đường Xuân Quý - Thanh Quán (ĐT.520B)	Thanh lý dầm cũ, thay thế dầm bản BTCT mới	300	210	
47	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km3+500 - Km5+500 đường Cẩm Phong - Cẩm Lương - Cẩm Thạch (ĐT.523E)	Sửa chữa nền, láng nhựa mặt đường	1.100	780	
48	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km26+700 - Km28+100 đường Ban Công - Lương Nội (ĐT.523D)	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ và láng nhựa mặt đường	1.100	780	
49	Sửa chữa hư hỏng cống thoát nước Km8+020 đường tỉnh Thành Tâm - Thành Long - Vĩnh Hưng - Thị trấn Vĩnh Lộc (ĐT.522)	Thanh lý cống bản cũ 2x2m, thay thế bằng cầu bản BTCT đảm bảo khẩu độ thoát nước	1.000	700	
50	Bổ sung hệ thống biển báo, ATGT đường Tén Tân - Quang Chiêu - Mường Chanh (ĐT.521E)	Bổ sung hệ thống ATGT theo quy chuẩn hiện hành	900	630	

**PHỤ LỤC 05**  
**CÔNG KHAI KẾ HOẠCH VỐN CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN THEO CHỈ ĐẠO UBND TỈNH NĂM 2018**

*DVT: Triệu đồng*

TT	Tên công trình, hạng mục công việc	Tổng mức đầu tư	Vốn đã giao hết năm 2017	Giao kế hoạch năm 2018	Ghi chú
	<b>Tổng công</b>	<b>15.512</b>	<b>9.500</b>	<b>1.612,250</b>	
<b>I</b>	<b>Công trình thực hiện theo ý kiến UBND tỉnh năm 2017</b>	<b>14.800</b>	<b>9.500</b>	<b>900,000</b>	
1	Trồng bổ sung cây xanh và chỉnh trang hệ thống ATGT trên tuyến đường từ Cảng HK Thọ Xuân đi QL47	4.000	2.000	800	Ban QLDA Vốn SNKT thanh toán khối lượng hoàn thành.
2	Hỗ trợ kinh phí xây dựng bến phà mới khi di chuyển vị trí xây dựng bến phà xã Định Công đến vị trí mới	10.800	7.500	100	Ban QLDA Giao thông I Thanh Hóa thanh toán khối lượng hoàn thành.
<b>II</b>	<b>Công trình theo ý kiến Quỹ B'TĐB TW</b>	<b>712,250</b>	<b>-</b>	<b>712,250</b>	
3	Xây dựng gờ giảm tốc tại các điểm giao cắt giữa đường bộ và đường sắt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	712,250	-	712,250	Ban QLDA Vốn SNKT triển khai thực hiện hoàn thành công trình